TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/HS-ST
Ngày 16 - 10 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Thanh Hà
+ Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:
Ông Thái Quang Định
Bà Phạm Thị Dung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Như Quỳnh - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Hải, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2018/TLST- HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1987 tại huyện ĐH, tỉnh TB; nơi cư trú: Tổ S, khu G, phường QT, thành phố UB, tỉnh QN; nghề nghiệp: CN thuộc Công ty B; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị N; có vợ là: Bùi Thị A và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 18/5/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố UB. Có mặt.

- *Bị hại:*

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990
Nơi cư trú: Tổ M, khu O, phường TS, thành phố UB, tỉnh QN. Vắng mặt.

Bà Phạm Thị G, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Tổ N, khu BT2, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh QN. Vắng mặt.

Cháu Bùi Ngọc TA, sinh ngày: 28/01/2013

Người đại diện hợp pháp cho cháu TA là anh Bùi Đức M (bố đẻ) và chị Vũ Thị N (mẹ đẻ).

Nơi cư trú: Tổ I, khu K, phường TS, thành phố UB, tỉnh QN. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Huy H, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Tổ F, khu G, phường BS, thành phố UB, tỉnh QN. Vắng mặt.

Anh Bùi Đức M, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ D, khu E, phường TS, thành phố UB, tỉnh QN. Vắng mặt.

Chị Hoàng Thị P, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Số nhà C, khu BT2, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh QN. Vắng mặt.

Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Tổ A, khu B, phường TV, thành phố UB, tỉnh QN. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Chị Bùi Thị A, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Thôn Q, xã TYC, thành phố UB, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Với mục đích chiếm đoạt tài sản, trong khoảng thời gian từ ngày 14/5/2018 đến ngày 18/5/2018, Phạm Văn T đã thực hiện 01 hành vi cướp giật tài sản và 02 hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 14/5/2018, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius biển kiểm soát 17B3-138.33 (xe của Bùi Thị A là vợ T) đến khu vực tổ Y, khu Z, phường TS, thành phố UB, T quan sát thấy một cửa hiệu cầm đồ không có người trông coi. T dừng xe, đi vào thấy một chiếc máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Dell, màn hình 15,6 inch của anh Nguyễn Văn T để trên bàn. T lấy chiếc máy tính trên rồi đem bán cho anh Phạm Huy H (chủ cửa hàng Laptop 24H) với giá 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền này T sử dụng hết.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 15/5/2018, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius biển kiểm soát 17B3-138.33 đi chơi qua cửa hàng "Cầm đồ 86" ở tổ C, khu B, phường TS. T nhìn thấy bên trong cửa hàng có cháu Bùi Ngọc TA (sinh năm 2013) đang ngồi trên ghế, tay cầm điện thoại di động nhãn hiệu Sony XZ2, màu đen (điện thoại này của anh Bùi Đức M - là bố đẻ cháu TA). T dừng xe, đi đến sát cửa, giả vờ gọi cháu TA ra cửa. Cháu TA đi ra, T liền giật chiếc điện thoại trên tay cháu TA rồi lên xe bỏ đi. Sau đó T đem chiếc điện thoại vừa giật được đến cửa hàng điện thoại HP ở khu BT, phường PĐ để bán cho chị Hoàng Thị P với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). Sau đó chị P đã bán chiếc điện thoại trên cho người khác, hiện chưa thu hồi được. Số tiền có được T đã tiêu hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 18/5/2018, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 34B3- 453.43 của anh Vũ Năng S (là bạn cùng phân xưởng

với T) đi lên khu vực phường PĐ, thành phố UB, với mục đích xem ai có sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T vào cửa hàng tạp hóa của bà Phạm Thị G (tại tổ N, khu BT2, phường PĐ), mua nước ngọt uống. Khi trả tiền, T phát hiện bà G để tiền bán hàng trong chiếc hòm tôn (kích thước 51x36x20)cm ở trong quầy hàng. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc hòm đựng tiền trên. T đi ra ngoài chờ cơ hội. Khoảng 20 phút sau, khi thấy bà G đi vào gian bên trong, T đã vào bê hòm tôn đựng tiền nêu trên đem lên xe rồi điều khiển đi đến Tổ A, khu TL, phường PĐ, thành phố UB. Tại đây, T mở hòm ra thấy có nhiều loại tiền mệnh giá khác nhau. T lấy số tiền mệnh giá 500.000đ được 8.000.000đ (tám triệu đồng) cùng số tiền loại mệnh giá 10.000đ, 20.000đ, 50.000đ được 1.240.000đ (một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và 25 thẻ điện thoại của các nhà mạng viễn thông gồm 14 thẻ Vinaphone; 04 thẻ Mobiphone; 07 thẻ Vietell trị giá 860.000đ (tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền lẻ còn lại 196.500 (một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng) gồm các mệnh giá 500đ, 1000đ, 2000đ, 5000đ và chiếc hòm tôn T để lại cạnh 1 gốc cây trong địa điểm trên. Số tài sản T trộm cắp của bà G là 10.296.500 đ (mười triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm đồng), trong đó tiền mặt là 9.436.500đ (chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng) và 25 thẻ cào điện thoại trị giá 860.000đ (tám trăm sáu mươi nghìn đồng). Ngay sau đó, T bán số thẻ điện thoại cho anh Trần Ngọc Đ là chủ cửa hàng điện thoại "QP" ở khu V, phường TS, thành phố UB được 820.000 (tám trăm hai mươi nghìn đồng), T gộp với số tiền lấy được ở trong hòm tôn được tổng số tiền là 10.060.000đ (Mười triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). T đã tiêu 60.000đ còn lại 10.000.000đ (mười triệu đồng) đem về nhà cất trong chiếc mũ bảo hiểm để trong gian phòng ngủ.

Cùng ngày 18/5/2018, T đã bị Công an bắt giữ; Căn cứ lời khai và chỉ dẫn của T, Cơ quan điều tra đưa T đến nơi cất giấu tài sản trộm cắp, đã thu chiếc hòm tôn trong có số tiền lẻ mệnh giá 500đ, 1000đ, 2000đ, 5000đ tổng số là 196.500 đồng cùng số tiền 10.000.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 45, ngày 22/5/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố UB kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONY XZ2 màu đen, màn hình cảm ứng (đã qua sử dụng) có trị giá là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu Dell màu đen, màn hình 15,6 inch (đã qua sử dụng) có trị giá là 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Sau khi bị bắt giữ, Phạm Văn T đã tác động gia đình để trả toàn bộ tài sản cho các bị hại và người liên quan.

Bản cáo trạng số: 137/CT-VKSUB-QN ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố UB, tỉnh QN đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 171 và tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị hại anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình điều tra với nội dung: Khoảng 14 giờ ngày 14/5/2018, anh bị mất chiếc máy tính Laptop, nhãn hiệu Dell, để trên bàn làm việc. Lúc đầu do nghĩ tài sản giá trị không lớn, nên anh không trình báo công an. Sau này anh được Công an thành phố UB thông báo đã bắt được T và T khai đã trộm cắp máy tính tại nhà anh. Ngày 22/6/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại máy tính cho anh. Nay anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại cháu Bùi Ngọc TA là anh Bùi Đức M – Là bố đẻ của cháu TA, đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình điều tra với nội dung: Chiều tối ngày 15/5/2018, anh M đưa cho cháu TA chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONY XZ2 màu đen, màn hình cảm ứng để cháu TA chơi. Khi cháu đang ngồi ở ghế trong nhà thì thấy có người thanh niên gọi bên ngoài, cháu chạy ra cửa thì bị giật mất chiếc điện thoại. Do cháu còn nhỏ nên cháu không dám nói cho bố mẹ biết. Chỉ khi vợ chồng anh không thấy điện thoại, hỏi cháu và xem lại camera thì mới biết điện thoại cháu cầm bị thanh niên (sau này anh mới biết tên là T) giật. Chiếc điện thoại chưa thu hồi được, nhưng gia đình bị cáo T đã bồi thường cho anh M 5.000.000đ (năm triệu đồng). Nay anh không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Phạm Thị G vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra với nội dung như sau: Khoảng 14 giờ ngày 18/5/2018, do sơ ý trong lúc bán hàng, bà đã bị đối tượng T bê mất 1 hòm tôn, bên trong đựng 25 chiếc thẻ cào trị giá 860.000đ (tám trăm sáu mươi nghìn đồng), và tiền mặt có nhiều loại mệnh giá khác nhau gồm 8.000.000đ (tám triệu đồng) loại tiền mệnh giá 500.000đ, 1.240.000đ (một triệu hai trăm bốn mươi nghìn) loại tiền mệnh giá 20.000đ và 10.000đ và 196.500đ (một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng) loại tiền lẻ mệnh giá 5.000đ, 2.000đ, 1.000đ và 500đ. Cùng ngày, Công an thành phố UB đã bắt giữ T và thu lại toàn bộ số tiền, thẻ điện thoại và chiếc hòm tôn. Ngày 20/6/2018, bà G đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Huy H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra khai với nội dung: Vào khoảng 15 giờ ngày 16/5/2018, khi anh đang ở cửa hàng thì có một nam thanh niên đến nói với anh là có máy tính không sử dụng muốn bán. Anh đã đồng ý mua loại máy tính nhãn hiệu Dell với giá 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng). Anh H không biết thanh niên bán máy tính cho anh là ai, ở đâu và không biết chiếc máy tính đó là do trộm cắp được mà có. Sau khi biết được sự việc, anh đã mang chiếc máy tính đến giao nộp cho Cơ quan Công an. Nay gia đình bị cáo T cũng đã bồi thường đủ cho anh số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) nên nay anh không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện: Chị mua điện thoại nhãn hiệu SONY XZ2 của một thanh niên không quen biết, nhưng không biết đó là tài sản trộm cắp được.

Sau đó, chị đã bán chiếc điện thoại đó cho khách (không biết là ai). Nay chị không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện: Anh mua số thẻ điện thoại trị giá trị giá 860.000đ (tám trăm sáu mươi nghìn đồng) và đổi số tiền lẻ, tổng tiền là 2.060.000đ (hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) của một thanh niên không quen biết. Sau khi biết số thẻ đó là tài sản do trộm cắp được mà có nên anh đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Nay anh đã được gia đình bị cáo T bồi thường đầy đủ số tiền, anh không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 36 đến 39 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và 09 đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp hình phạt chung đối với cả hai tội là 45 đến 51 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 18/5/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

+ Đối với chiếc hòm tôn cùng số tiền 9.436.500đ (chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng) và 25 thẻ cào điện thoại trị giá 860.000đ (tám trăm sáu mươi nghìn đồng) T trộm cắp của bà G, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà G vào ngày 20/6/2018.

+ Đối với chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màn hình 15,6 icnh, Ngày 18/5/2018, sau khi biết máy tính trên là tài sản trộm cắp, anh Phạm Huy H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày 22/6/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 17B3-138.33 là xe của chị Bùi Thị A (vợ của T), 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 34B3-453.43 là xe của anh Vũ Năng S (người làm cùng cơ quan với T). Quá trình điều tra những người này không biết việc T sử dụng xe để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Về chiếc điện thoại T cướp giật của cháu Bùi Ngọc TA (con của anh Bùi Đức M), T bán cho chị P, chị P đã bán đi, không rõ lai lịch địa chỉ người mua nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngày 31/5/2018, anh Phạm Văn T (anh trai T) đã nộp lại Cơ quan điều tra số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để bồi thường cho anh Bùi Đức M. Ngày 25/6 /2018, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho anh Bùi Đức M.

+ Về số tiền T bán máy tính, ngày 30/7/2018, chị Bùi Thị A (vợ bị cáo T) đã trả cho anh Phạm Huy H.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố UB, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố UB, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh và điều khoản áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn T tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh vật chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra được thu thập khách quan, đúng trình tự tố tụng. Những chứng cứ trên đã làm rõ thực tế khách quan về thời gian, địa điểm cũng như quá trình thực hiện tội phạm của bị cáo. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 15/5/2018, tại cửa hiệu cầm đồ của anh Bùi Đức M ở tổ I, khu K, phường TS, thành phố UB, Phạm Văn T đã có hành vi giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony XZ 2 trị giá 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) trên tay cháu Bùi Ngọc TA - sinh năm 2013 (con gái anh Bùi Đức M).

Ngoài ra, Phạm Văn T còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố UB cụ thê:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 14/5/2018, tại cửa hiệu cầm đồ ở Tổ M, khu O, phường TS, T đã trộm cắp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell trị giá 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn T.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 18/5/2018, tại Cửa hàng tạp hóa của bà Phạm Thị G ở Tổ N, khu BT2, phường PĐ, T đã trộm cắp của bà G số tiền 9.436.500đ (chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng) và 25 thẻ cào điện thoại trị giá 860.000đ (tám trăm sáu mươi nghìn đồng) để trong hòm tôn. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 10.296.500đ (mười triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội ***"Cướp giật tài sản"*** theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 và tội: ***"Trộm cắp tài sản"*** theo quy

định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố UB truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì chỉ trong thời gian ngắn từ ngày 14/5/2018 đến ngày 18/5/2018 bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và 01 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và người liên quan, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171, khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước đối với tội "Cướp giật tài sản" và từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước đối với tội "Trộm cắp tài sản". Tuy nhiên, xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với chiếc hòm tôn cùng số tiền 9.436.500đ (chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng) và 25 thẻ cào điện thoại trị giá 860.000đ (tám trăm sáu mươi nghìn đồng) T trộm cắp của bà G, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà G vào ngày 20/6/2018, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+ Đối với chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màn hình 15,6 inch của anh Nguyễn Văn T. Ngày 22/6/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 17B3-138.33 là xe của chị Bùi Thị A (vợ của T), 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 34B3- 453.43 là xe của anh Vũ Năng S (người làm cùng cơ quan với T). Quá trình điều tra những người này không biết việc T sử dụng xe để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho chủ sở hữu.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với anh Phạm Huy H, chị Hoàng Thị P và anh Trần Ngọc Đ là những người đã mua số tài sản gồm: máy tính xách tay, điện thoại di động, thẻ cào điện thoại. Quá trình điều tra xác định: Anh H, chị P và anh Đ đều không biết số tài sản trên do Phạm Văn T phạm tội mà có, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Danh mục án phí, lệ phí Toà án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội: **"Cướp giật tài sản"** và tội **"Trộm cắp tài sản"**.

Xử phạt Phạm Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp hình phạt chung đối với cả hai tội là 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 18/5/2018.

2. Án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Phạm Văn T, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 10 năm 2018).

Vắng mặt bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND TP Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà